

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST

Ngày: 27/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng Minh và ông Trần Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai, bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 35/2022/TLST-HS ngày 13/9/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày 13/9/2022 đối với bị cáo:

Đặng Văn P; sinh ngày 05/10/1984 tại I, Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tú Thủy 2, xã F, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện nay: Thôn IaRok, phường B1, thành phố I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn A1 (đã chết) và bà Phạm Thị A2; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Đoàn Thị A3 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05/7/2022 đến ngày 08/7/2022 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Xuân T; sinh năm 1973; trú tại: Tổ 03, phường M, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

2. Hồ Văn D; sinh năm 1970; trú tại: Tổ 04, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

3. Trần Anh K; sinh năm 1973; trú tại: Tổ 01, phường C, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

4. Võ Thanh L; sinh năm 1974; trú tại: Tổ 02, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

5. Nguyễn Ngọc H; sinh năm 1971; trú tại: Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Võ Thị X; sinh năm 1970; trú tại: Thôn Thượng An 1, xã E, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

2. Đặng Minh Y; sinh ngày 01/7/1986; trú tại: Thôn 3, xã N, thành phố I, Gia Lai; vắng mặt.

3. Đặng Văn Z, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Tú Thủy 2, xã F, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 14/10/2013 và ngày 16/10/2013 bị cáo Đặng Văn P đã cùng Đặng Minh Y và Đặng Văn Z hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã A, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 14/10/2013, Đặng Minh Y rủ Đặng Văn Z và Đặng Văn P đi trộm cắp bình ắc quy ô tô bán lấy tiền tiêu xài, P và Z đều đồng ý. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, Đặng Văn P điều khiển xe mô tô biển số 81H6 - 1870 của Z, chở Z và Y đi trên địa bàn thị xã A xem có xe ô tô mà không có người trông coi thì trộm cắp bình ắc quy. Khi đến Trung tâm giáo dục thường xuyên thị xã A, thuộc Tổ 5 (nay là Tổ 2), phường G phát hiện có xe ô tô tải biển số 81C-01.194 của anh Võ Thanh L đậu trong sân của Trung tâm. Lúc này P dừng xe lại để Z và Y xuống xe, còn P điều khiển xe mô tô chạy đến vị trí cách nơi Z và Y trộm cắp bình ắc quy khoảng 200m chờ khi nào Y gọi điện thoại thì P đến chở bình ắc quy đi cất giấu. Khi vào trong sân Trung tâm, Z và Y sử dụng cờ lê, mỏ lết mang theo và điện thoại di động loại NOKIA bật đèn pin để soi tháo 02 (hai) bình ắc quy nhãn hiệu GS, loại N95 trên xe ô tô. Sau khi trộm cắp xong, Y gọi điện thoại cho P đến chở 02 (hai) bình ắc quy này đi cất giấu ở trong bụi cây bạch đàn cách cổng Trung đoàn 368 khoảng 300m, ở phía bên phải đường Hoàng Hoa Thám theo hướng A đi S. Sau khi cất giấu xong, P quay lại chỗ Y và tiếp tục điều khiển xe mô tô chở Z và Y đến khu vực Bệnh viện thị xã A cũ thuộc Tổ 1, phường B thì thấy xe ô tô biển số 81C-010.98 của anh Hồ Văn D và xe ô tô biển số 81K-1287 của anh Nguyễn Ngọc H trong sân Bệnh viện không có người trông coi. Lúc này, P dừng xe, để Z và Y xuống đi vào trong sân Bệnh viện cũ, còn P điều khiển xe mô tô đi xuống đường đất bờ kè sông Ba đứng đợi. Y và Z sử dụng cờ lê, mỏ lết mang theo tháo trộm 04 (bốn) bình ắc quy của hai

xe ô tô trên (đều cùng nhãn hiệu GS), trong đó có 02 (hai) bình ắc quy mã số 2203121 loại N150 và 02 (hai) bình ắc quy mã số 1912121 loại N150. Sau khi tháo bình ắc quy xong, Y gọi điện cho P quay lại chở 04 (bốn) bình ắc quy vừa trộm cắp được cùng với 02 (hai) bình ắc quy đã trộm cắp trước đó đi cất giấu tại đồi thông thuộc thôn Thượng An 1, xã E, thị xã A. Sau đó, P quay lại chở Y và Z đi về nhà.

Đến khoảng 9 giờ ngày 15/10/2013, Z chở Y đem 06 (sáu) bình ắc quy đã trộm cắp được đến bán cho bà Võ Thị X ở thôn Thượng An 1, xã E, thị xã A, trước khi bán Z và Y nói dối là bình mua bán lại kiếm lời, bà X tin nên mua 06 (sáu) bình ắc quy với giá 3.420.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền có được, trừ đi tiền tiêu xài chung, Z, Y và P chia mỗi người 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Lần thứ hai: Khoảng 24 giờ ngày 16/10/2013, Đặng Văn P tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 81H6-1870 chở Đặng Văn Z và Đặng Minh Y đến Bến xe thị xã A thuộc Tổ 3, phường An Z, thị xã A để trộm cắp bình ắc quy. Cũng như những lần trước, P dừng xe để Z và Y đi vào trong Bến xe còn P đứng ngoài canh chừng. Z và Y đi vào trong Bến xe và trộm cắp được 02 (hai) bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai, loại N150 trên ô tô tải biển số 77K-9503 của anh Trần Anh K. Sau đó, Y và Z khiêng 02 (hai) bình ắc quy trộm cắp được ra ngoài rồi P chở Y, Z cùng 02 (hai) bình ắc quy đi về hướng xã E để cất giấu. Khi đi đến khu vực Tổ 5, phường M cả ba phát hiện hai xe ô tô biển số 81M-2154 và xe ô tô biển số 81M-0061 của ông Nguyễn Xuân T đậu trước sân nhà không có người trông coi, P dừng xe lại và đứng ở ngoài đường, còn Z và Y đi vào trong tiếp tục dùng cờ lê và mỏ lết tháo trộm 04 (bốn) bình ắc quy (cùng nhãn hiệu GS), trong đó có 02 (hai) bình loại 100AH và 02 (hai) bình loại N95 trên hai xe ô tô này. Tất cả số bình ắc quy đã trộm cắp được, P điều khiển xe mô tô chở đi cất giấu tại đồi thông thuộc thôn Thượng An 1, xã E, thị xã A.

Đến khoảng 4 giờ ngày 17/10/2013, Đặng Minh Y gọi điện cho bà Võ Thị X hỏi bán số bình ắc quy đã trộm cắp được, vì nghi ngờ số bình ắc quy này do trộm cắp mà có nên bà X nói với ông Nguyễn Công Y, là chồng của bà X gọi điện thoại báo cho Công an xã E biết. Khi Công an xã E đến nhà bà X thì P điều khiển xe mô tô chở Y và Z bỏ chạy, sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A bắt được Đặng Minh Y và Đặng Văn Z, còn Đặng Văn P bỏ trốn khỏi địa phương.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã đã tạm giữ một số đồ vật, tài sản gồm:

- Ông Nguyễn Công Y chồng bà Võ Thị X giao nộp: 02 bình ắc quy hiệu GS mặt bình màu hồng có ký hiệu 95031R loại bình 95AH, mã số 300812; 02 bình ắc quy hiệu GS mặt nền màu xanh, có ký hiệu GS00-100 12V loại 100AH,

mã số 3103102; 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai mặt nền hình màu đen có ký hiệu Pinaco loại 150AH, mã số 20880611.

- Chị Võ Thị X giao nộp: 04 bình ắc quy nhãn hiệu GS loại N150, 12V, nắp màu xanh, số seri 0405123, 2203121, 1912121, 1912121; 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS 95D31R, nắp màu hồng, số seri 1303131, 2111122.

- Đặng Minh Y giao nộp: 01 giấy chứng minh nhân dân số 230654068 mang tên Đặng Minh Y; 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số V856448 mang tên Đặng Minh Y; 02 sim điện thoại di động Viettel và số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- Đặng Văn Z giao nộp: 01 xe mô tô Yamaha, nhãn hiệu Jupiter màu trắng bạc, biển số 81H6-1870 đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe mô tô số 018892; 01 điện thoại di động Nokia, số imei 352832053850681, 01 mỏ lết loại 10''-250mm, trên cán có chữ Forged steel, mỏ dài 25cm, đầu mỏ lết rộng 06cm; 01 cờ lê ATC 10-12 dài 13cm; 01 cờ lê 12-14 dài 13cm; 01 tuốt bơ vít cán nhựa màu đen dài 14cm, đầu sắt dài 5,5cm.

- Chị Lê Thị Z1 vợ Đặng Văn Z giao nộp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- Khám xét tại nhà Đặng Văn Z thu giữ: 01 kìm cộng lực, cán bằng nhựa màu xanh dài 22cm, trên thân nhựa của cán có chữ Wynn's TooLs; 01 búa đóng đinh, cán bằng gỗ tròn dài 30cm; 01 dao tự tạo bằng sắt, cán dài 80cm, bản rộng 5cm.

- Đối với chiếc điện thoại di động của Đặng Văn P sử dụng để liên lạc với Đặng Minh Y vào ngày 14/10/2013 và 16/10/2013 đã hư hỏng, quá trình trốn truy nã P vứt bỏ chỗ nào hiện không nhớ nên không thu giữ được.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 38/KLĐGTS ngày 23/10/2013 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định: Giá trị của 02 (hai) bình ắc quy xe ô tô, nhãn hiệu GS, mã số bình 1912121 N150, loại N150 là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng); Giá trị của 02 (hai) bình ắc quy xe ô tô, nhãn hiệu GS, mã số bình 2203121, loại N150 là 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); Giá trị của 02 (hai) bình ắc quy xe ô tô, nhãn hiệu GS, loại N95 là 2.310.000 đồng (Hai triệu ba trăm mười nghìn đồng). Tổng cộng là: 9.060.000 đồng (chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 37/KLĐGTS ngày 23/10/2013 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã A xác định: Giá trị của 02 bình ắc quy xe ô tô, nhãn hiệu GS, loại N95 là 1.980.000 đồng (một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng); Giá trị sử dụng còn lại của 02 bình ắc quy xe ô tô, nhãn hiệu GS, loại 100AH là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng); Giá trị sử dụng còn lại của 02 bình ắc quy xe ô tô, nhãn hiệu Đồng Nai, loại N150 là

2.610.000 đồng (hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng). Tổng cộng: 6.190.000 đồng (sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Đối với Đặng Minh Y và Đặng Văn Z đã bị kết án theo Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2014/HSST ngày 26/02/2014 của Tòa án nhân dân thị xã A. Riêng Đặng Văn P bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã ra Quyết định truy nã đồng thời tách vụ án để giải quyết sau. Ngày 05/7/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A bắt được bị cáo tại thôn IaRok, phường B1, thành phố I, Gia Lai đã tiến hành phục hồi điều tra theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 12/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Đặng Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Văn P từ 09 đến 12 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Đặng Văn P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007641 ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A là 1.000.000đ (một triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn P thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào tối ngày 14/10/2013 và tối ngày 16/10/2013 Đặng Văn P đã cùng với

Đặng Minh Y và Đặng Văn Z thực hiện hành vi trộm cắp 12 (mười hai) bình ắc quy trên xe ô tô của các bị hại Nguyễn Ngọc H, Hồ Văn D, Trần Anh K, Nguyễn Xuân T và Võ Thanh L thuộc Tổ 1, phường B, Tổ 3, phường An Z, Tổ 5, phường M và Tổ 5 (nay là Tổ 2), phường G, thị xã A có tổng trị giá là 15.250.000 đồng (mười lăm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Đặng Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ ngày 01/01/2018, mặt khác hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 bằng hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên căn cứ Nghị quyết 41/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Văn P hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị từ 2.000.000đ trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Đánh giá về vai trò, mức độ tham gia thực hiện tội phạm và quyết định hình phạt đối với bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên không phải là phạm tội có tổ chức. Trong đó bị cáo Đặng Minh Y là người đóng vai trò chính, Y vừa là người rủ rê, khởi xướng, vừa là người thực hành tích cực. Tiếp theo là Đặng Văn Z là người cùng với Đặng Minh Y trực tiếp thực hiện hành vi tháo bình ắc quy để lén lút chiếm đoạt. Cuối cùng là Đặng Văn P, bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu hơn Đặng Minh Y và Đặng Văn Z. Bị cáo là người giúp sức để Đặng Minh Y và Đặng Văn Z trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Sau khi chiếm đoạt được tài sản Đặng Văn P là người chở tài sản chiếm đoạt được đi cất dấu. Trong vụ án này bị cáo Đặng Văn P hai lần tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Đặng Minh Y và Đặng Văn Z. Còn Đặng Minh Y và Đặng Văn Z theo Bản án số 04/2014/HSST ngày 26/02/2014 của Tòa án nhân dân thị xã A thì ngoài hai lần trộm cắp này, ngày 13/10/2013 Đặng Minh Y và Đặng Văn Z còn trộm cắp 04 bình ắc quy trị giá 5.770.000đ.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Tuy nhiên trong thời gian trốn truy nã

bị cáo cố gắng để hoàn lương không có tiền án, tiền sự. Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc với hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo Đặng Minh Y và Đặng Văn Z tại Bản án số 04/2014/HSST ngày 26/02/2014 của Tòa án nhân dân thị xã A.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 04/2014/HSST ngày 26/02/2014 của Tòa án nhân dân thị xã A nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về biện pháp tư pháp: Cần tịch thu số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Đặng Văn P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007641 ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A là 1.000.000đ (một triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999.

Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Đặng Văn P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 05 tháng 7 năm 2022).
3. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Đặng Văn P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007641 ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.
4. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Văn P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (27/9/2022), bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tứ Hải